TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5-2018
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ BỊA-VŨNG TÀU

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn
Ông Vũ Xuân Miện

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp.Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 222/2018/HNST ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST-HN ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Bùi VT, sinh năm 1981; Địa chỉ: số N, đường M, phường B, thành phố V, tỉnh B (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Bà Lê TKD, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú cuối cùng trước khi mất tích: số N, đường M, phường B, thành phố V, tỉnh B (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2017 và quá trình tố tụng tại Tòa, ông Bùi VT trình bày:

Ông và bà Lê TKD tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Vũng Tàu ngày 23/01/2008. Thời gian đầu ông và bà KD chung sống khá hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2012 vợ chồng có những bất đồng về quan điểm sống dẫn tới cãi vã, tình cảm vợ chồng phai nhạt, tháng 8/2012 bà KD đã mang con chung của ông và bà KD là Bùi Ngọc H sinh ngày 20/9/2008 đi khỏi nhà. Tháng 8/2012 ông T tìm được bà KD và con, vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi về chung sống thì cuộc sống giữa hai người không thực sự hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên tháng 01 năm 2013 bà KD tiếp tục mang con ra khỏi nhà. Từ đó đến nay ông đã tìm kiếm nhiều nơi, đăng tin tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có tin tức gì của bà KD và con.

Ngày 18/10/2016 ông có Đơn yêu cầu tuyên bố một người là mất tích đối với bà KD và con chung của ông và bà KD là cháu Bùi Ngọc Hiển. Ngày 14/8/2017 Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã chấp nhận yêu cầu của ông và ban hành Quyết định số 15/2017/QĐVDS-ST về việc Tuyên bố một người là mất tích.

Do xét thấy hôn nhân của ông và bà KD không có hạnh phúc, từ năm 2013 đến nay ông không biết bà KD ở đâu nên việc duy trì hôn nhân là không thể, nên ông yêu cầu Tòa giải quyết:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Lê TKD.

Về con chung: Ông và bà KD có 01 con chung là Bùi Ngọc H sinh ngày 20/9/2008. Cháu H đã bị tuyên bố mất tích nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết về nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Bùi VT yêu cầu ly hôn bà Lê TKD có địa chỉ cư trú cuối cùng tại Vũng Tàu do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng của đương sự: Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà KD vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối bà KD.

Trong vụ án này, Tòa án không T hành các biện pháp thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không thuộc quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Bùi VT và bà Lê TKD chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống do vợ chồng có mâu thuẫn nên bà KD đã bỏ nhà đi không sống cùng ông T từ đầu năm 2013 đến nay đã vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về việc "vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau", việc bà KD không chung sống cùng ông T đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà KD.

[2.2]. *Về con chung*: Ông T và bà KD 01 con chung là Bùi Ngọc H sinh ngày 20/9/2008. Cháu H đã bị tuyên bố mất tích nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ông Bùi VT phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 227; Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi VT:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi VT ly hôn với bà Lê TKD.

2. Về con chung: Ông T và bà KD 01 con chung là Bùi Ngọc H sinh ngày 20/9/2008. Cháu H đã bị tuyên bố mất tích nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Bùi VT phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001096 ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Bùi VT được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Bà Lê TKD vắng mặt tại phiên tòa nên thời gian kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đinh Thị Châm

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân phường 5, Tp.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.